

KẾ HOẠCH CHĂM SÓC GIÁO DỤC LỚP CHỖI 2 NĂM HỌC 2024- 2025

Căn cứ vào kế hoạch số 01 ngày 25 tháng 9 năm 2024 của chuyên môn trường Mầm Non Hoa Lan, căn cứ vào kế hoạch hoạt động của tổ khối Chồi năm học 2024-2025

Căn cứ đặc điểm tình hình thực tế của lớp Chồi 2. Lớp Chồi 2 xây dựng kế hoạch chủ nhiệm năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau:

I. Đặc điểm tình hình của lớp:

Đầu năm học lớp với tổng số 23 trẻ đến lớp, trẻ đến lớp chăm ngoan biết cất dọn đồ dùng cá nhân, vệ sinh đúng nơi quy định. Lớp học được trang trí thoáng mát, sạch đẹp có đầy đủ trang thiết bị dạy và học cho trẻ. Khu vệ sinh sạch sẽ, thoáng giúp cho trẻ vệ sinh thuận tiện trong một ngày ở lớp học, hai cô giáo nhiệt tình trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ tại lớp.

* Sĩ số học sinh: 23 cháu

Trong đó: Nữ: 10 cháu; Nam: 13 cháu.

Hộ nghèo: 0 cháu; dân tộc: 1 nam

1. Thuận lợi:

Được sự quan tâm sát sao của ban giám hiệu, cơ sở vật chất cũng như đồ chơi ngoài trời tương đối đầy đủ

- Phòng học rộng rãi, thoáng mát, đồ dùng đồ chơi thẩm mỹ, đủ số lượng, mang tính sáng tạo cao, các góc lớp bố trí thẩm mỹ, di động

- Giáo viên chủ nhiệm đạt trình độ chuẩn và không ngừng phấn đấu luôn luôn học hỏi kinh nghiệm, bên cạnh đó được sự ủng hộ của các bậc phụ huynh học sinh tạo điều kiện thuận lợi trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ tại lớp, trường học.

2. Khó khăn:

- Năm học 2024- 2025 có một số cháu lần đầu tiên đi học, bỡ ngỡ còn chưa quen với trường lớp học, đầu năm đi học còn khóc nhiều, một số cháu vệ sinh cá nhân còn chưa tự lập.

- Một số cháu chưa học qua chương trình giáo dục dành cho trẻ 3-4 tuổi nên nhận thức giữa trẻ trong lớp không đồng đều

- Đa số phụ huynh làm nông, xa trường nên việc đưa và đón trẻ đến lớp còn chưa đúng giờ. Một số trẻ bố mẹ đi làm xa nên việc chăm sóc còn chưa chu đáo.

II. Nội dung kế hoạch

1. Đối với giáo viên

a. Tư tưởng chính trị đạo đức

- Luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.
- Luôn có tác phong nhanh nhẹn, chuẩn mực với quy định của nhà giáo

b. Công tác chuyên môn

- Giáo viên thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn đề ra, vận dụng linh hoạt các phương pháp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng trẻ phù hợp với từng nội dung giáo dục.
- Tham gia đầy đủ các đợt dự giờ thao giảng, làm đồ dùng và các hội thi do nhà trường tổ chức.
- Nộp hồ sơ sổ sách kịp thời, đúng thời gian quy định, trang trí lớp theo chủ đề và độ tuổi. Tập huấn các chuyên đề kịp thời do cấp trên tổ chức.
- Dọn vệ sinh, trang trí lớp học theo chủ đề, làm đồ dùng đồ chơi

c. Các phong trào thi đua:

- Tham gia đầy đủ và nhiệt tình các phong trào của tổ, của trường và của phòng đề ra.

- Cùng nhau đoàn kết, đi lên, phát triển với các lớp trong khối và trong trường

2. Đối với trẻ:

- Đến lớp chuyên cần, ngoan, chào hỏi lễ phép, biết vâng lời cô, cha mẹ
- Biết tự phục vụ bản thân, vệ sinh cá nhân,...
- Trẻ nắm được các kỹ năng và kiến thức dành cho trẻ 4-5 tuổi
- Biết nhận biết các chữ cái, số và hình khối
- Phát triển về 5 mặt lĩnh vực: Nhận thức, phát triển thể chất, thẩm mỹ, tình cảm
- kỹ năng xã hội, ngôn ngữ

3. Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng:

- Thực hiện nghiêm túc quy chế nuôi dạy trẻ, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ khi đến trường

- Động viên, khuyến khích cháu ăn hết khẩu phần ăn hết suất ăn, ăn không để rơi vãi, trẻ gọi tên được các món ăn

- Soạn giảng đầy đủ, đúng theo kế hoạch đề ra không cắt xén chương trình, lên lớp có đồ dùng.

- Giáo viên khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Công tác tự học, tự rèn luyện được nâng cao.
- Phối kết hợp với phụ huynh tốt trong việc chăm sóc và giáo dục cháu.
- Học hỏi đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn.
- 100% trẻ học bán trú cả ngày.

III. Chỉ tiêu đề ra

1. Đối với giáo viên

- Tham gia các hội thi, hội giảng của trường, của phòng tổ chức
- Tham gia thao giảng 2 lần / năm
- Tham gia thi giáo viên giỏi cấp trường, các phong trào khác do trường, ngành đề ra kể cả hội thi dành cho trẻ.
- Giáo án, hồ sơ lớp tốt 1 bộ.
- Hồ sơ trình bày đầy đủ, rõ ràng, sạch đẹp.
- Tham gia viết 1 sáng kiến kinh nghiệm
- Dự giờ đồng nghiệp: 10-12 tiết / năm (gồm sinh hoạt chuyên môn và dự giờ đồng nghiệp)

2. Đối với trẻ:

- Phần đầu trẻ nắm được 5 lĩnh vực phát triển.
- + Bé chăm: 80 -95 %
- Thực hiện chuyên đề về giáo dục theo hướng trải nghiệm.
- Tổ chức các hoạt động phát triển các lĩnh vực: PTTC, PTTM, PTNN, PTNT, PTTCXH.

3. Chỉ tiêu sức khỏe

Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ.

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng, thấp còi phần đầu cuối năm dưới 10%.
- 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ 1 - 2 lần/ năm.
- + Theo dõi cân nặng: Cân nặng bình thường: 93– 95%.
- + Tỷ lệ nhẹ cân: Phần đầu dưới 4 – 46%.
- + Theo dõi chiều cao: Chiều cao BT 95 – 96%.
- + Tỷ lệ thấp còi: Phần đầu dưới 3 - 5%.
- Kết hợp với gia đình cùng chăm lo giáo dục phát triển trẻ toàn diện.
- Đảm bảo khẩu phần ăn cho trẻ, trẻ được ăn chín uống sôi, đảm bảo VSATTP trẻ được ăn đúng giờ và ăn hết khẩu phần ăn. Tạo bầu không khí vui vẻ giúp trẻ ăn ngon miệng và ngủ đủ giấc.
- Thường xuyên vệ sinh phòng học sạch sẽ gọn gàng. Thường xuyên theo dõi phòng dịch bệnh theo mùa. Lớp xây dựng góc tuyên truyền có chất lượng

3. Công tác khác:

- Phong trào thi đua của lớp: Tham gia đầy đủ các hoạt động như ngày hội, ngày lễ trong năm.
- Phong trào thi đua của khối: Tích cực tham gia vào các phong trào của khối phát động.
- Phong trào thi đua của trường, công đoàn, đoàn thanh niên, địa phương.

4. Chỉ tiêu thi đua cuối năm.

- Chỉ tiêu của lớp: Lớp tiên tiến xuất sắc
- Chỉ tiêu thi đua của cô: Lao động tiên tiến

- Thường xuyên nghiên cứu tài liệu, tâm huyết với nghề, yêu nghề mến trẻ, có ý thức tự học và rèn luyện.

- Tích cực tham gia thao giảng, dự giờ, hội thi do trường và ngành tổ chức

IV. Dự kiến mục tiêu, nội dung giáo dục trẻ 4-5 tuổi khối Chồi

1. Mục tiêu, nội dung giáo dục

TT MT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
* Giáo dục phát triển vận động.		
MT 1	Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	<p>Phối hợp thực hiện thành thạo các động tác sau.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: Cúi người về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay người sang trái, sang phải, nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: Nhún chân, ngồi xổm đứng lên bật tại chỗ, đứng co một chân...
MT 2	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ khéo léo và giữ được thăng bằng thực hiện các kiểu đi. + Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.
MT 3	Kiểm soát được vận động đi/ chạy	<ul style="list-style-type: none"> - Tập trung nghe hiểu và thực hiện được các bài tập đi, chạy. + Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn + Chạy chậm 60-80m
MT 4	Thực hiện bài tập bật, nhảy	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng sức mạnh toàn thân thực hiện các bài tập bật, nhảy. + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 30 - 40cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). + Bật chụm tách chân, khép chân qua các 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10- 15 cm. + Nhảy lò cò 3 m.

MT 5	Phối hợp tay- mắt trong vận động	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp tay, mắt khéo léo thực hiện các bài tập tung, ném, bắt... + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích đứng bằng 1 tay. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân
MT 6	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp bò, trườn, trèo:	<ul style="list-style-type: none"> * Phối hợp nhịp nhàng thân nọ tay kia thực hiện các bài tập bò, trườn, trèo khéo léo - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây - Bò bằng bàn tay, bàn chân 3- 4 m. - Bò đích dốc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng, qua ống dài 1,2m x 0.6m - Trườn theo hướng thẳng - Trèo qua hướng thẳng - Trèo qua ghề dài 1,5m x 30m - Trèo lên xuống 5 giống thang
MT 7	Thực hiện được các vận động	<ul style="list-style-type: none"> * Thực hiện được các cử động uốn ngón tay, bàn tay; xoa cổ tay. - Cuộn, xoay cổ tay, gập mở các ngón tay + Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngoáy tay, véo, vuốt, miết, ấn, gấn, nôi.
MT 8	Phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> * Sử dụng các vận động tinh để thực hiện + Vẽ hình người, nhà, cây + Xé, cắt đường thẳng. + Gập giấy. + Lắp ghép hình 10 - 12 khối, + Tô, vẽ hình + Cài, cới cúc, khâu, buộc dây giày.
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
MT 9	Biết 1 số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá...có nhiều chất đạm -Rau, quả chín có nhiều vitamin	+ Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng)
MT 10	Nói được tên 1 số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	<ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. + Nhận biết các món ăn quen thuộc ở trường mầm non + Các món ăn trong ngày ở gia đình.
MT 11	Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	<ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. + Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
MT	Thực hiện được một số việc tự	+ Rèn thao tác rửa tay bằng xà phòng.

12	phục vụ trong sinh hoạt khi được nhắc nhở.	+ Tụ lau mặt, đánh răng + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Tụ thay được quần áo khi bị ướt bản.
MT 13	Tụ cầm, thìa, xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn	- Biết sử dụng bát, thìa, xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, không làm đổ, ngồi ăn khéo léo...
MT 14	Có một số hành vi tốt trong ăn uống	+ Mời cô mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ. + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... + Không uống nước lã. + Không ăn thức ăn có mùi ôi.
MT 15	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	+ Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... + Đi vệ sinh đúng nơi quy định + Bỏ rác đúng nơi quy định.
MT 16	Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch	+ Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. + Không tự chơi với những đồ vật sắc nhọn, điện, vật nóng...
MT 17	Nhận ra những nơi: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	+ Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn, không chơi ở những nơi nguy hiểm.
MT 18	Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở	+ Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.. + Không ăn thức ăn có mùi ôi, không ăn lá, quả lạ, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. + Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.
MT 19	Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	+ Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu... + Biết gọi người lớn khi bị lạc nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại của người thân khi cần thiết.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
* Khám phá khoa học		

MT 20	Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng	+ Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?...
MT 21	Phối hợp các giác quan để xem xét 1 số sự vật, hiện tượng, kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm. Để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng	+ Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. + Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. + Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. + Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. + Một số đặc điểm, tính chất của nước.
MT 22	Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	+ Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nước với cuộc sống con người, con vật và cây. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.
MT 23	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện	- Tập trung quan sát nhận xét được nội dung tranh ảnh, băng hình, trò chuyện... - Các hiện tượng tự nhiên. - Quan sát và đoán được các hiện tượng sắp xảy ra “ Chuồn chuồn bay cao thấp” “Con mồi bay nhiều”...
MT 24	Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	+ Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. + Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. + Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.
MT 25	Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng gần gũi. VD “cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn	* Nhận xét được mối quan hệ các sự vật hiện tượng xung quanh - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Các nguồn nước trong môi trường sống.
MT 26	Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản	* Quan sát các hoạt động trong vui chơi, học tập, trong sinh hoạt ... giải quyết vấn đề đơn giản bằng nhiều cách khác nhau đạt hiệu quả . Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn, để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn...

MT 27	Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	+ So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. + Sự khác nhau giữa ngày và đêm. + So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.
MT 28	Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	+ Trẻ biết vận dụng những hiểu biết đã học để trải nghiệm qua các hoạt động...
* Làm quen với toán		
MT 29	Quan tâm đến chữ số, số lượng, thích đếm các vật ở xung quanh hỏi, bao nhiêu, số mấy...? Đếm trên đối tượng trong pv 10 So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng, nhiều hơn, ít hơn	+ Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. + Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. * So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 nói được bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất...
MT 30	Tách, gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói được kết quả.	+ Tách, gộp hai nhóm đối tượng và đếm. + Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ, nói được nhóm nào nhiều hơn, ít hơn hoặc bằng nhau.
MT 31	Sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng số thứ tự.	Sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng số thứ tự.
MT 32	Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày: số xe, số nhà, số cấp cứu..
MT 33	Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	+ So sánh phát hiện các quy tắc sắp xếp và sắp theo quy tắc tăng dần hoặc ngược lại ...
MT 34	Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng.	+ Đo được độ dài một vật bằng 1 đơn vị đo + Đo được dung tích bằng 1 đơn vị đo, nói được kết quả đo và so sánh.
MT 35	Chỉ ra các điểm giống, khác giữa giữa các hình	+ So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
MT 36	Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	+ Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
MT 37	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	+ Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái)
MT 38	Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày	+ Nhận biết các buổi sáng trưa chiều tối. Biết được các thời điểm trong ngày

*** Khám phá xã hội**

MT 39	Nói họ tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	+ Tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài của bản thân + Sở thích, khả năng của bản thân.
MT 40	Nói họ, tên, công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	+ Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình...
MT 41	Nói được địa chỉ của gia đình số nhà, đường, phố thôn, xóm khi được hỏi trò chuyện.	+ Nói được tên, địa chỉ gia đình (số nhà, đường phố/thôn, xóm)... + Số điện thoại của bố, mẹ, người thân ...
MT 42	Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	+ Tên, địa chỉ của trường lớp trẻ đang học
MT 43	Nói tên, 1 số công việc của cô giáo và các cô bác trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	+ Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. + ý nghĩa công việc của các cô, bác làm ở trường.
MT 44	Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	+ Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ trong trường, lớp...
MT 45	Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi... của một số nghề khi được hỏi trò chuyện.	+ Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
MT 46	Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	+ Kể tên, đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ, hội, sự kiện văn hóa của thôn xóm, quê hương đất nước... + Ý nghĩa của các ngày lễ, hội ngày quốc khánh 2/9; tết thiếu nhi; trung thu...
MT 47	Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương	+ Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. - Các địa điểm gần gũi nơi trẻ đang sống... - Yêu quý và giữ gìn di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, truyền thống, văn hóa của quê hương, đất nước.

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

MT 48	Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp	+ Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. + Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.
MT 49	Hiểu được các từ khái quát rau, quả, con vật, đồ gỗ...	+ Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ, đồ nhựa, đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập

		...
MT 50	Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	+ Nghe hiểu nội dung các câu đơn câu mở rộng, câu phức trong học tập và trong giao tiếp.
MT 51	Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	+ Nói phát âm được những từ khó, trả lời được các câu hỏi của cô giáo...
MT 52	Sử dụng các từ chỉ sự vật hoạt động, đặc điểm....	- Sử dụng từ ngữ chính xác trong khi nói, gọi tên các đồ dùng, đồ vật xung quanh... - Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.
MT 53	Sử dụng được các loại câu đơn câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp	+ Bày tỏ nhu cầu và hiểu biết của mình bằng các câu đơn, câu ghép trong giao tiếp.
MT 54	Kể lại sự việc theo trình tự.	+ Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. + Kể lại truyện đã được nghe, được nhìn thấy...
MT 55	Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	+ Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè... hiểu được nội dung chính của bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè...
MT 56	Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	+ Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. + Trẻ nghe, hiểu và có thể kể lại chuyện...
MT 57	Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	+ Đóng kịch. Thể hiện hành động, ngôn ngữ phù hợp để người khác hiểu... có thể sáng tạo hành động ngôn từ thêm phần hấp dẫn ...
MT 58	Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp	+ Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép với cô với người lớn. + Lịch sự trong giao tiếp và sinh hoạt với bạn.
MT 59	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	+ Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh khi giao tiếp.
MT 60	Chọn sách để xem	+ Biết chọn sách để xem theo ý của mình... - Biết giữ gìn sách khi sử dụng, biết để sách vào đúng nơi khi không sử dụng
MT 61	Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	+ Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh được nhìn, được thấy... mô tả để người khác hiểu
MT 62	Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa	+ Xem và nghe các loại sách khác nhau. + Hướng đọc viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. + Đọc truyện qua các tranh vẽ + Giữ gìn, bảo vệ sách.

MT 63	Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt.	+ Nhận dạng một số chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt. + Tập tô và đồ các nét chữ + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. + Biết viết từ trái sang phải từ dòng trên xuống dòng dưới...
MT 64	Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	+ Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
MT 65	Sử dụng ký hiệu để “Viết” tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	+ Biết sử dụng 1 số ký hiệu để phân được sản phẩm của mình của bạn.

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

*** Phát triển tình cảm.**

MT 66	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	+ Tên, tuổi, giới tính. + Sở thích, khả năng của bản thân.
MT 67	Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	+ Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. + Thích được hỏi và trò chuyện về một số nghề...
MT 68	Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	+ Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích riêng của mình...
MT 69	Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao (Trục nhật và dọn đồ chơi)	- Thích thú khoe sản phẩm của mình với người khác và các bạn. - Giữ gìn sản phẩm cẩn thận. - Thích nhìn và quý trọng sản phẩm của mình và bạn làm ra.
MT 70	Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	+ Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.
MT 71	Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	+ Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
MT 72	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	+ Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. Qua các hoạt động của Bác ...
MT 73	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	+ Kính yêu Bác Hồ. + Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ...

MT 74	Biết một vài cảnh đẹp, lễ, hội của quê hương, đất nước.	+ Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của trường, của địa phương, quê hương, đất nước...
* Phát triển kỹ năng xã hội		
MT 75	Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	+ Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). + Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
MT 76	Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	+ Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Chào hỏi và xưng hô lễ phép với người lớn, nói lời cảm ơn khi được giúp đỡ, biết xin lỗi khi có lỗi, biết cảm ơn khi nhận quà...
MT 77	Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	+ Lắng nghe ý kiến của người khác thể hiện cử chỉ lịch sự, tôn trọng người nói khi giao tiếp với bạn bè và người lớn, chú ý, nhìn vào mắt người nói, lắng nghe người nói. - Đặt câu hỏi đúng lúc, không cắt ngang khi người khác đang nói...
MT 78	Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	+ Biết chờ đến lượt không chen lấn xô đẩy khi lên xuống xe, cầu thang, siêu thị. + Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.
MT 79	Biết trao đổi, thảo luận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật, lao động)	+ Tham gia hoạt động nhóm, tập thể. + Lắng nghe bạn nói để trao đổi ý kiến của mình với các bạn. + Quan tâm, giúp đỡ bạn + Phân biệt hành vi “đúng sai”- “tốt” “xấu”
MT 80	Thích chăm sóc cây cối con vật quen thuộc	+ Quan tâm, yêu thích và chăm sóc con vật và cây cối...
MT 81	Bỏ rác đúng nơi quy định	+ Phân biệt hành vi “đúng- sai” “tốt – xấu” + Biết giữ gìn vệ sinh môi trường
MT 82	Không bẻ cành, bứt hoa	- Nhận ra được hành vi đúng sai của mọi người trong việc bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp - Có ý thức giữ gìn bảo vệ môi trường nhắc bạn không xả rác, bẻ cành, hái hoa
MT 83	Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng	+ Biết sử dụng tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt ở trường và gia đình, công cộng... + Có ý thức tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt, biết tắt quạt khi không dùng...
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ		

MT 84	Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	+ Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT 85	Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc, Thích nghe, đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	+ Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). Hưởng ứng theo giai điệu bài hát, bản nhạc cùng cô...
MT 86	Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	+ Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
MT 87	Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...	+ Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ....
MT 88	Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	+ Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. + Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
MT 89	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	+ Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.
MT 90	Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có bố cục.	+ Sử dụng các kỹ năng vẽ khéo léo để tạo ra sản phẩm có kích thước, hình dáng/ đường nét.
MT 91	Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	+ Sử dụng các kỹ năng cắt, xé dán... để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét, bố cục.
MT 92	Làm lốm, ấn bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản/ p có nhiều chi tiết.	+ Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
MT 93	Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	+ Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
MT 94	Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	+ Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.
MT	Lựa chọn và tự thể hiện hình thức	+ Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động

95	vận động theo bài hát, bản nhạc	theo nhạc.
MT 96	Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	+ Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.
MT 97	Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	+ Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. + Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. + Đặt tên cho sản phẩm của mình. Giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn, của nhóm, lớp.

2. Dự kiến các chủ đề trong năm

* **Khối Chồi: Gồm 09 chủ đề, thực hiện trong 35 tuần.**

Tên chủ đề	Số tuần	Nhánh hoạt động	Thời gian	Lễ hội - sự kiện
Chủ đề 1: Trường Mầm Non	Tuần 1 Tuần 2 Tuần 3 Tuần 4	Nhánh 1: Trường mầm non Nhánh 2: Bé vui Trung thu và các bạn Nhánh 3: Lớp học của bé. Nhánh 4: Các hoạt động ở trường MN	- 9/9- 14/9/2024 - 16/9-20/9/2024 - 23/9/27/9/2024 - 30/9- 04/10/2024	Bé vui Tết trung thu
Chủ đề 2: Bản Thân	Tuần 5 Tuần 6 Tuần 7 Tuần 8	Nhánh 1: Bé là ai Nhánh 2: Tôi có gì trên cơ thể? Nhánh 3. Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh Nhánh 4: Sở thích của bé	- 07/10 11/10/2024 - 14/10-18/10/2024 - 21/10-25/20/2024 - 28/10-01/11/2024	Chào mừng 20/10
Chủ đề 3: Gia đình	Tuần 9 Tuần 10 Tuần 11 Tuần 12	Nhánh 1: Các thành viên trong Gđ bé. Nhánh 2: Ngôi nhà của bé. Nhánh 3: Đồ dùng trong gia đình bé Nhánh 4: Nhu cầu của gia đình bé	- 04/11-8/11/2024 - 11/11-15/11/2024 - 18/11-22/11/2024 -25/11- 29/11/2024	Chào mừng 20/11
Chủ đề 4: Nghề Nghiệp	Tuần 13 Tuần 14 Tuần 15 Tuần 16	Nhánh 1: Em yêu cô giáo Nhánh 2: Những nghề bé biết? Nhánh 3: Nghề sản xuất Nhánh 4: Bé làm nghề dịch vụ.	- 02/12 6/12/2024 - 9/12- 13/12/2024 - 16/12-20/12/2024 - 23/12-27/12/2024	Mừng ngày 22/12 QĐNDVN
Chủ đề 5: Thực vật	Tuần 17 Tuần 18 Tuần 19 Tuần 20	Nhánh 1: Những loại lương thực bé biết Nhánh 2: Những loại quả bé thích? Nhánh 3: Bé ăn rau, củ nào ? Nhánh 4: Tết và hoa mùa xuân	- 30/12-3/1/2025 - 6/1-10/1/2025 - 13/1-17/1/2025 - 20/1- 24/01/2025	Tết Dương Lịch

Chủ đề 6: Động vật	Tuần 21	Nhánh 1: Những con vật nuôi trong gia đình	- 10/2- 14/2/2025	Mừng tết Nguyên đán 2025
	Tuần 22	Nhánh 2: Những ĐV quý hiếm rừng xanh.	- 17/2-21/2/2025	
	Tuần 23	Nhánh 3: Những động vật sống dưới nước?	- 24/2- 28/02/2025	
	Tuần 24	Nhánh 4: Một số côn trùng - chim.	- 3/3 đến 7/3/2025	
Chủ đề 7: Giao thông	Tuần 25	Nhánh 1: Bé với GT đường bộ	- 10/3-14/3/2025	- Mừng ngày 8/3- Mừng ngày GP TPGN 23/3
	Tuần 26	Nhánh 2: Bé với GT đường sắt - đường hàng không	- 17/3- 21/3/2025	
	Tuần 27	Nhánh 3: Giao thông đường thủy	- 24/3- 28/3/2025 - 31/03- 4/4/2025	
	Tuần 28	Nhánh 4: Bé với an toàn GT		
Chủ đề 8: Nước và HTTN	Tuần 29	Nhánh 1: Một số hiện tượng tự nhiên	- 7/04- 11/4/2025	Giỗ tổ Hùng Vương
	Tuần 30	Nhánh 2: Sự cần thiết của nước	- 14/04- 18/4/2025	
	Tuần 31	Nhánh 3: Bé biết gì các mùa trong năm	- 21/4 – 25/4/2025	
Chủ đề 9: QH, ĐN, Bác Hồ	Tuần 32	Nhánh 1: TP Gia nghĩa quê em.	- 28/4 – 2/5/2025	Mừng ngày 30/4 -1/5 Sinh nhật Bác
	Tuần 33	Nhánh 2: Cảnh đẹp Việt Nam.	- 05/5 - 9/5/2025	
	Tuần 34	Nhánh 3: Các dân tộc Tây Nguyên	- 12/5 - 16/5/2025	
	Tuần 35	Nhánh 4: Bác Hồ của em.	- 19/5- 23/5/2025	

Trên đây là kế hoạch năm học của lớp Chồi 2 năm học 2024 – 2025. Trong quá trình thực hiện sẽ điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

Duyệt chuyên môn

Người xây dựng kế hoạch

Nguyễn Thị Hà – Phan Thị Tuyết

